

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN C - TP ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2019/HS-ST

Ngày: 11-11-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN C, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Văn Khánh

Ông Trần Đức Hiếu

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thảo Vân - Thư ký Tòa án nhân dân quận C, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C tham gia phiên tòa: Ông Phan Quang Đại Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận C, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 58/2019/TLST-HS ngày 15 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2019/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 10 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh ngày 25/5/1986; Nơi cư trú: Tổ 17 phường A, quận T, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Trình độ học vấn: 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Mai (chết) và bà Nguyễn Thị Hương;

Tiền án: Bị Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang xét xử 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và 06 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản” tại Bản án hình sự sơ thẩm số 13/HSST ngày 23/05/2005, chấp hành xong hình phạt tù ngày 22/7/2005, nhưng chưa nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm và các quyết định khác của bản án.

Tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

Ông Trần Văn H (đã chết).

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Bà Nguyễn Thị L - Sinh năm: 1971 (có mặt).

Nơi cư trú: Tổ 31 phường K, quận T, thành phố Đà Nẵng. Là vợ của bị hại.

- Người làm chứng:

- Ông Hồ Viết D - Sinh năm: 1990 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Tổ 59 phường M, quận L, thành phố Đà Nẵng.

- Ông Trần Quang K - Sinh năm: 1966 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Tổ 9 phường Đ, quận C, thành phố Đà Nẵng.

- Ông Nguyễn Duy P - Sinh năm: 1978 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Số 127 H, quận C, thành phố Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 21 giờ ngày 28/7/2019, sau khi nhậu xong với bạn bè, Nguyễn Văn T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 43 D1-129.38 chạy với tốc độ khoảng 60 km/h theo hướng từ đường Lê Đại Hành - Nguyễn Hữu Thọ. Khi đi đến khu vực giao nhau giữa đường Lê Đại Hành và đường Lê Kim Lăng thuộc phường Đ, quận C, thành phố Đà Nẵng do Tuấn buồn ngủ nên cúi mặt xuống, nhìn vào đồng hồ của xe mà không quan sát phía trước cũng như xung quanh nên xảy ra va chạm với ông Trần Văn H (Sinh năm : 1966, trú: số 12 N, phường H, quận H, Đà Nẵng) đang đi bộ qua đường Lê Đại Hành theo hướng từ trái qua phải theo hướng đi của xe mô tô.

Hậu quả: ông Trần Văn H bị thương được đưa đi cấp cứu đến 21 giờ ngày 29/7/2019 thì tử vong tại nhà.

Tại bản kết luận giám định pháp y số 99/GĐ-PY ngày 12/8/2019 của phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng kết luận ông Trần Văn H chết do đa chấn thương.

Tại bản tóm tắt hồ sơ bệnh án số 1087/BVĐN-KHTH ngày 12/8/2019 của bệnh viện Đà Nẵng đối với Nguyễn Văn T xác định nồng độ cồn trong máu kết quả Ethanol : 64,1mmol/L.

Từ những tình tiết nêu trên, tại Cáo trạng số 57/CT-VKSCL ngày 15/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân quận C đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C thực hiện quyền công tố phát biểu quan điểm luận tội là vẫn giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 260, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 47 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo T mức hình phạt từ 2 năm đến 2 năm 6 tháng tù.

Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu trắng đen, biển kiểm soát 43 D1-129.38 đề nghị trả lại cho bị cáo T, nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Đối với 01 Giấy phép lái xe hạng A1 số 480134016182 của Nguyễn Văn T, không có liên quan đến vụ án nên đề nghị trả lại cho bị cáo T.

- Đối với 01 đĩa CD, đề nghị lưu hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Người đại diện hợp pháp của bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường: Chi phí mai táng: 100.000.000 đồng; Chi phí điều trị ban đầu: 5.000.000 đồng; Chi phí tổn thất tinh thần: 100.000.000 đồng; Chi phí nuôi con đến đủ 18 tuổi: 180.000.000 đồng. Tổng cộng là 385.000.000 đồng. Đề nghị HĐXX chấp nhận những chi phí hợp lý theo quy định pháp luật.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị hại là bà Nguyễn Thị L đã yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn T có trách nhiệm bồi thường cho gia đình bà về phần dân sự như sau: Chi phí mai táng: 100.000.000 đồng; Chi phí điều trị ban đầu: 5.000.000 đồng; Chi phí tổn thất tinh thần: 100.000.000 đồng; Chi phí nuôi con đến đủ 18 tuổi: 180.000.000 đồng. Tổng cộng là 385.000.000 đồng. Về việc bị cáo tự nguyện bồi thường 10.000.000 đồng thì bà không nhận. Về hình phạt đối với bị cáo, bà đề nghị HĐXX xét xử theo quy định pháp luật.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo T đã khai nhận hành vi như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận C truy tố. Bị cáo không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát về tội danh, hình phạt. Về trách nhiệm dân sự, do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên bị cáo chưa bồi thường thiệt hại cho gia đình bị hại. Bị cáo tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại là 10.000.000 đồng và đề nghị HĐXX xét xử về phần dân sự theo quy định pháp luật. Bị cáo nói lời nói sau cùng là xin lỗi gia đình bị hại và mong HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi bị truy tố, xét xử của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như quyết định truy tố của Viện kiểm sát, lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ mà cơ quan điều tra đã thu thập được thể hiện tại hồ sơ vụ án, nên HĐXX có đủ cơ sở xác định: Vào khoảng 21 giờ ngày 28/7/2019, bị cáo Nguyễn Văn T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 43 D1-

129.38 tham gia giao thông khi đã sử dụng rượu, bia mà có nồng độ cồn trong máu vượt quá mức cho phép quy định tại khoản 8 Điều 8 Luật Giao thông đường bộ (Điều khiển xe mô tô mà trong máu có nồng độ cồn vượt quá 50 miligam/100 mililit), không làm chủ tốc độ và thiếu chú ý quan sát nên bị cáo đã tông vào người bộ hành là ông Trần Văn H gây hậu quả ông H tử vong do đa chấn thương.

Do đó, hành vi này của bị cáo T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Viện kiểm sát truy tố bị cáo T về tội danh và điều khoản nêu trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[3.1] Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến sự an toàn của hoạt động giao thông đường bộ và sự an toàn về tính mạng của người khác được pháp luật bảo vệ, do đó cần phải xử lý nghiêm. Mặc dù tai nạn xảy ra là không ai mong muốn nhưng nếu bị cáo có ý thức chấp hành đúng luật giao thông đường bộ thì đã không xảy ra hậu quả làm chết người. Do đó, HĐXX xét thấy cần phải xử phạt bị cáo mức án tương xứng với hành vi, phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo, cần thiết áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo nói riêng và góp phần răn đe, đấu tranh phòng ngừa tội phạm nói chung.

[3.2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo T bị Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang xét xử 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và 06 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản” tại Bản án hình sự sơ thẩm số 13/HSST ngày 23/05/2005, chấp hành xong hình phạt tù ngày 22/7/2005, tại phiên tòa bị cáo khai nhận sau khi xét xử gia đình bị cáo đã nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm và các quyết định khác của bản án nhưng bị cáo không nhớ thời điểm nộp và không cung cấp được biên lai thu tiền cho Tòa án. Đồng thời, theo kết quả cung cấp thông tin của Chi cục thi hành án dân sự quận C, Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Vang và Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê thì không có hồ sơ thi hành án hay hồ sơ ủy thác thi hành án của Nguyễn Văn T. Do đó, HĐXX xác định bị cáo T chưa nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm và các quyết định khác của bản án, nên bị cáo chưa được xóa án tích mà còn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội về tội phạm rất nghiêm trọng. Vì vậy, lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên cần xem xét khi lượng hình đối với bị cáo.

[3.3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại một phần, gia đình bị cáo khó khăn là hộ nghèo thuộc địa bàn phường A, quận T, thành phố Đà Nẵng. Ngoài ra, đối với bị hại ông Trần Văn H, vào thời điểm xảy ra tai nạn thì bị hại đi bộ qua đường ở nơi không có vạch kẻ

dành cho người đi bộ đã vi phạm khoản 2 Điều 32 Luật giao thông đường bộ. Do đó, việc xảy ra tai nạn thì bị hại cũng có lỗi một phần. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[4] Tại phiên tòa, mức hình phạt của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C đề nghị áp dụng cho bị cáo T là có căn cứ, đúng luật, phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo như đã phân tích nêu trên, nên được HĐXX chấp nhận.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Người đại diện hợp pháp của bị hại là bà Nguyễn Thị L đã yêu cầu bị cáo T có trách nhiệm bồi thường về phần dân sự như sau: Chi phí mai táng tổng cộng là: 100.000.000 đồng, trong đó gồm chi phí mua quan tài, các vật dụng cần thiết cho việc khâm liệm, khăn tang, hương, nến, hoa, thuê xe tang, bộ chiêng trống, đánh chiêng trống..., xe tải, xe 29 chỗ, xe tang là 45.956.000 đồng và còn lại là chi phí làm mộ; Chi phí điều trị ban đầu: 5.000.000 đồng; Chi phí tổn thất tinh thần: 100.000.000 đồng; Chi phí nuôi con đến đủ 18 tuổi : 180.000.000 đồng, mỗi tháng là 5.000.000 đồng. Tổng cộng là 385.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của người đại diện hợp pháp của bị hại là bà L có phần chưa hợp lý và tại phiên tòa bà L không cung cấp đầy đủ tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của bà, bà chỉ cung cấp được bản photocopy bản kê chi tiết thanh toán của Trại hòm Sài Gòn. Căn cứ vào các điều 584, 585 và 591 Bộ luật dân sự, HĐXX chỉ chấp nhận các khoản chi phí như sau:

Tiền chi phí hợp lý cho việc mai táng: 50.000.000 đồng.

Chi phí điều trị ban đầu: 2.500.000 đồng

Tiền tổn thất tinh thần: 100.000.000 đồng

Tổng cộng là 152.500.000 đồng.

Buộc bị cáo phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị L số tiền là 152.500.000 đồng. Bị cáo tự nguyện bồi thường số tiền 10.000.000 đồng. Do đó, cần buộc bị cáo phải bồi thường tiếp cho bà Nguyễn Thị L số tiền còn lại là 142.500.000 đồng. Tiếp tục tạm giữ số tiền 10.000.000 đồng bị cáo đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự quận C, thành phố Đà Nẵng theo biên lai thu số 006435 ngày 11/11/2019 để đảm bảo thi hành án.

Người đại diện hợp pháp của bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường tiền cấp dưỡng cháu Trần Hùng T1 - Sinh ngày 11/11/2004 cho đến khi 18 tuổi mỗi tháng 5.000.000 đồng, tổng cộng là 180.000.000 đồng. Xét mức cấp dưỡng trên không phù hợp với mức thu nhập của bị cáo cũng như mức tối thiểu hợp lý cho việc nuôi dưỡng nên HĐXX không chấp nhận, cần buộc bị cáo T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Trần Hùng T1 mỗi tháng 2.500.000 đồng, cấp dưỡng hàng tháng, kể từ tháng 12/2019 cho đến khi cháu Trần Hùng T1 đủ 18 tuổi.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu trắng đen, biển kiểm soát 43 D1-129.38, trả lại cho bị cáo, nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Đối với 01 Giấy phép lái xe hạng A1 số 480134016182 của Nguyễn Văn T, không có liên quan đến vụ án nên trả lại cho bị cáo T.

- Đối với 01 đĩa CD, cần lưu hồ sơ vụ án.

[7] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu án phí HSST và án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Điểm b Khoản 2 Điều 260; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Văn T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị L số tiền là 152.500.000 đồng đã bồi thường 10.000.000 đồng, còn phải bồi thường tiếp cho bà Nguyễn Thị L số tiền 142.500.000 đồng.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 10.000.000 đồng bị cáo đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự quận C, thành phố Đà Nẵng theo biên lai thu số 006435 ngày 11/11/2019 để đảm bảo thi hành án.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Trần Hùng T1 - sinh ngày 11/11/2004 mỗi tháng 2.500.000 đồng, kể từ tháng 12/2019 cho đến khi cháu Trần Hùng T1 đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày người đại diện hợp pháp của bị hại có đơn yêu cầu thi hành án, bị cáo T còn phải trả khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự cho đến khi thi hành xong.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự

Tuyên:

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu trắng đen, biển kiểm soát 43 D1-129.38, nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

(Hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự quận C theo Quyết định chuyển vật chứng vụ án số 36/QĐ-VKSCL ngày 15/10/2019 và Biên bản giao nhận vật chứng ngày 15/10/2019)

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T 01 Giấy phép lái xe hạng A1 số 480134016182 mang tên Nguyễn Văn T.

- Lưu hồ sơ vụ án 01 đĩa CD.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

4.1. Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

4.2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 7.125.000 đồng (Bảy triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

5. Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- VKSND tp. Đà Nẵng;
- Cơ quan CSĐT quận Cẩm Lệ;
- Cơ quan THAHS CA quận Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- Sở tư pháp tp. Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Thanh Tuyền

